

GIÁO SƯ NGUYỄN ĐỒNG CHI TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN GIAN LÀNG QUÊ

Phạm Quang Ái*

Giáo sư Nguyễn Đồng Chi (06/01/1915-20/7/1984) là một học giả, một nhà văn hóa lớn của Việt Nam, nguyên Trưởng ban Hán Nôm, nguyên Quyền Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ông sinh tại Phan Thiết; nguyên quán xã Ích Hậu, huyện Can Lộc nay là huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho yêu nước và cách mạng, Nguyễn Đồng Chi sớm có ý chí nhập thế với một lý tưởng cao đẹp. Cha ông là Nguyễn Hiệt Chi tham gia phong trào Duy Tân ở Nghệ Tĩnh, từng là đồng sáng lập Công ty Liên Thành và Trường Dục Thanh (Phan Thiết), sau về dạy Trường Quốc học Huế và Trường Quốc học Vinh. Chú ruột ông là Nguyễn Hàng Chi bị Pháp xử chém vì cầm đầu phong trào chống thuế ở Nghệ Tĩnh năm 1908. Mẹ ông cũng là người thuộc dòng dõi danh giá. Ngoài những đóng góp cho các phong trào dân tộc, yêu nước và cách mạng, gia đình ông còn có nhiều người là nhân sĩ, trí thức, học giả nổi tiếng như anh ruột ông là Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, Thứ trưởng Bộ Y tế trong thời kháng chiến chống Pháp và là Đại biểu Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I-IV, tác giả sách *Du lịch Quảng Bình* và *Công nghệ Quảng Bình*; cháu ruột ông là PGS, nhà dân tộc học Nguyễn Đức Từ Chi (con trai Bác sĩ Kinh Chi); các con trai ông là GS văn học Nguyễn Huệ Chi và PGS, nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ Nguyễn Du Chi.

GS Nguyễn Đồng Chi không chỉ là học giả danh giá của Việt Nam mà còn được giới khoa học quốc tế biết tiếng. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I (1996) bởi những đóng góp xuất sắc trên nhiều lĩnh vực văn hóa, khoa học xã hội và nhân văn. Ông có một cuộc đời từng trải, với trên 50 năm sâu tầm, nghiên cứu và trước tác. Phạm vi hoạt động sáng tạo của Nguyễn Đồng Chi rất rộng: sáng tác văn học, nghiên cứu văn học viết, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu Hán-Nôm, nghiên cứu văn hóa dân gian... Ở lĩnh vực nào ông cũng có những đóng góp độc sáng, có ý nghĩa mở đường. Về nghiên cứu văn học, thì tác phẩm *Việt Nam cổ văn học sử* của ông là công trình đầu tiên chính thức đưa văn học chữ Hán của người Việt vào văn học sử và nghiên cứu văn học sử theo thể loại, loại hình, kiểu nhà văn... Trong lĩnh vực sử học, công trình viết về đề tài nông dân khởi nghĩa của ông đã lý giải một cách uyển chuyển, hợp lý nguyên nhân bùng phát của khởi nghĩa nông dân không đơn thuần là do nghèo khổ mà chủ yếu là do bất nguồn từ ý thức, tư tưởng chống đối của tầng lớp tiểu trí thức; hay việc ông cùng với một số đồng nghiệp đã phát hiện di chỉ đồ đá cũ ở Núi Đọ, Thanh Hóa năm 1960 cũng là một phát hiện khảo cổ học có ý nghĩa bước ngoặt về nghiên cứu lịch sử dân tộc.

* Phó Tổng biên tập Tạp chí Văn hóa Hà Tĩnh.

Nhưng nói đến học giả Nguyễn Đồng Chi, trước hết, phải nói đến cống hiến nổi bật nhất của ông trong lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu văn học, văn hóa dân gian. Ông luôn được đánh giá là một trong những nhà folklore học hàng đầu, nhất là ở những kiến giải mới mẻ về loại hình truyện cổ tích Việt Nam trong tương quan với cổ tích thế giới. Ông cũng là người đầu tiên xâu chuỗi các motif truyện cổ tích Việt Nam với cổ tích của nhiều nước.

Trong đời sống văn hóa, văn nghệ dân gian Việt Nam hiện đại, GS Nguyễn Đồng Chi không chỉ hiện diện với tư cách là một nhà sưu khảo tâm cỡ mà ông còn hiện diện với tư cách là một người trong cuộc, từng tham gia ứng tác và diễn xướng trong sinh hoạt văn nghệ dân gian ở cộng đồng làng quê, xứ sở. Trong các dịp đi sưu tầm tư liệu về cuộc đời của GS Nguyễn Đồng Chi vào các quãng thời gian ông sống ở quê nhà, người viết bài này được dân làng và thân quyến ông kể cho nghe những giai thoại thú vị về những ứng xử rất trí tuệ và văn hóa của ông trong sinh hoạt văn nghệ dân gian. Trong các câu chuyện lý thú đó, có chuyện ông đi làm nghề Cu Mơ và hát ví đối đáp với chị em phụ nữ ở một làng gần quê ông. Đó là quãng thời gian từ năm 1953 đến đầu năm 1955, khi ông đang làm Chánh văn phòng Đoàn điền Bà Triệu (Phủ Quỳ), Chánh văn phòng Ban Kinh tài Liên khu IV, làm báo *Cứu quốc* Liên khu IV và Giám đốc Nhà xuất bản Dân chủ mới Liên khu IV thì bị đau nên phải về quê điều dưỡng. Trong giai đoạn dưỡng bệnh ở quê, ông đã tranh thủ thời gian đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bằng việc tham gia dạy học ở Trường Trung học Nguyễn Hàng Chi (Cầu Trù, Can Lộc) một thời gian. Sau đó, do một sự hiểu lầm với đại diện của Ty Giáo dục Hà Tĩnh, ông nghỉ dạy, ở nhà vừa tham gia lao động giúp gia đình vừa sưu tầm, nghiên cứu. Là một nhân sĩ, trí thức nổi tiếng lại là con cháu của một danh gia nhưng ông không nề hà trong sinh hoạt, sẵn sàng cùng với các nông phu trong làng đi làm nghề hót phân bắc mà tục ở quê gọi là nghề Cu Mơ.

Quê ông vốn nằm trên dải đất cát ven biển Hạ Can Lộc và Hạ Thạch Hà, mưa thì ngập lụt, nắng thì cang hạn, đất bạc màu khó trồng lúa nên chỉ trồng màu là chính. Ở đây, nhiều đời đã có nghề đi hót phân, phân người, phân gia súc về trồng cây, đặc biệt, các loại cây như cây thuốc Lào, cây dưa hấu, dưa bở rất cần phân hữu cơ, nhất là phân người. Theo các cụ lớn tuổi vùng Hạ Can và Hạ Thạch, sở dĩ bấy giờ những người làm nghề hót phân bắc có cái “nghề danh” là Cu Mơ là vì, trước đó, vào các dịp ngày ba tháng tám giáp hạt hàng năm, do đói kém nên trong vùng có một nông phu tên là Cu Mơ (tên chính là Mơ nhưng có con trai đầu lòng nên có thêm tiếng đệm là “cu”) khởi xướng ra việc đi hót phân người đem về bán lấy tiền để cứu đói. Từ đấy, dân chúng trong vùng đã lấy tên anh này để gọi cái nghề đó cho tiện và cũng dễ nghe hơn là gọi đích danh “nghề hót cứt” (hót phân). Và thực chất, nghề Cu Mơ là nghề chạy đói vào những năm mất mùa, những khi giáp hạt, tức là khi gặp thảm cảnh “Vua mần trời (bêu xấu)/Trời mần xấu” như mấy người ăn xin ngày xưa hay than vãn với khách qua đường.

Vào những buổi sáng tinh sương, trên các cánh đồng làng Ba Xã (tên cũ của xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà ngày nay) và các làng bên, người ta đã thấy

thấp thoáng bóng những anh Cu Mơ nón cời tới cụt, quang gánh, thùng xeu lĩnh kính, chăm chỉ sắn soi bên các “kẹ ruộng” (đường nhỏ chia cách các thửa ruộng) để tìm nhặt phân người. Thời bấy giờ, đại đa số các hộ dân chưa có nhà xí, nên buổi tối hoặc lúc vắng người là họ ra đồng để hưởng cái sương của một “Á quận công” (*Thứ nhất quận công/Thứ nhì ả đồng*). Bởi vậy, hiện trường lao động chủ yếu của cánh Cu Mơ là đường ruộng các cánh đồng. Ngoài ra, cánh Cu Mơ còn tìm đến các bãi rác gần các chợ. Ở đây, tập trung đông người ngồi mua bán suốt buổi, “mót” đại tiểu tiện là họ cứ tới các bãi rác xung quanh phóng uế thoải mái.

Gần trưa, sau khi đã đầy gánh, cánh Cu Mơ mới nhóm thành đoàn, theo các nẻo đường làng gánh phân về một địa điểm công cộng nào đó họp thành chợ phân bắc để bán cho các hộ trồng màu. Trong lúc di chuyển qua các đường làng, cánh Cu Mơ thì đã quen nên cứ thản nhiên đi nhưng người đi đường không chịu nổi mùi thối của phân tươi nên bịt mũi nhăn mặt tránh xa, chỉ có đám trẻ con nghịch ngợm vừa chạy theo vừa hát nghêu ngao: “*Cu mơ, cu mít / Gạo ít, cứt (cứt) nhiều / Muốn com đầy niêu (niêu) / Thì đi hót cứt (hót phân)*”. Trong con mắt của không ít người dân đương thời, nghề Cu Mơ là cái nghề hạ tiện, bẩn thỉu. Vì vậy, những người đi hót phân này tới đâu, không chỉ trẻ con quấy mà người lớn cũng không tha trêu chọc. Nhóm Cu Mơ làng Nguyễn Đồng Chi trong nhiều lần sang vùng chợ Trền (xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà ngày nay) để “tác nghiệp” đã bị các cô gái ở đây trêu chọc bằng những câu ví rất ác. Họ ức lắm, không ít lần đã nổi xung cầm đòn gánh đuổi đánh các cô. Trong một lần đi với các Cu Mơ cùng làng sang chợ Trền hót phân ở bãi rác gần chợ, lúc nghỉ chân trên đường gánh phân về điểm tập kết để bán, Nguyễn Đồng Chi nghe mấy cô gái thập thò sau lũy tre hát rằng:

Ơ anh Ba Xã đi góp phân ngài (người)

Phân thúi thơm anh có người, cứt ngắn dài anh có đo?

Quái đản. Phân thì thối chứ làm gì có thơm? Có ai đi đo phân ngắn dài bao giờ? Nghe câu ví quá ác, nhóm thanh niên đi cùng phát khùng lên định đuổi đánh các cô. Nguyễn Đồng Chi nhẹ nhàng can anh em:

- Không được đánh họ. Ai lại đi đánh đàn bà. Họ ví ác thì ta ví lại. Các chú cứ để đó mặc tui.

Nói xong, ông liền cao giọng ví lại:

Ơ em, anh đây dân Ba Xã đi góp phân ngài,

Để một mai phiên chợ Trền, quả dưa mô dài thì mẹ em mua.

Chợ Trền là một chợ lớn ở xã Thạch Sơn. Nơi đây, đến mùa dưa chín, người dân trong vùng thường gánh dưa đến bán. Dưa Ba Xã là nhiều nhất và cũng có tiếng ngon nhất. Mà dưa đó vốn được bón bằng “phân ngài” do các anh đi góp về. Và mẹ em vốn là người sành sỏi, sẽ chọn mua quả dài nhất, tức là quả ngon nhất, để về cả nhà cùng ăn. Câu hát đáp lại của Nguyễn Đồng Chi quả là rất tinh tướng, ý tứ sắc sảo, tính châm biếm không kém câu ví của các cô. Không chỉ vậy, với khả năng mẫn tiệp về chữ nghĩa, chỉ cần một thao tác

đơn giản, thay chữ ‘mua’ bằng chữ ‘ăn’, là tác giả đã có thể làm cho nét nghĩa câu ví trở nên càng sắc nhọn, sự châm biếm sâu cay được bộc lộ rõ ràng hơn và anh em Cu Mơ cũng được xả tức hơn nhiều. Nhưng không. Với lời lẽ thanh nhã, tế nhị, ông đã làm cho người nghe cảm nhận được rõ ràng trong câu hát một sự nhắc nhở đầy bao dung, nhân hậu về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn/ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của người lao động.

Nghe xong câu hát đáp trả của cánh Cu Mơ, các cô gái chợ Trền ngớ cả người. Không ngờ mấy anh chàng đi hót phân trông xơ xác, rách rưới, bẩn thỉu đó lại ví được những câu thần tình như vậy. Họ xấu hổ vì đã quá lời, tên tò rút êm. Và những lần sau, khi sang đây hót phân, các chàng trai Ích Hậu không những không bị trêu chọc, mà còn được họ đối xử thân thiện.

Có một hôm, hình như các cô gái chợ Trền đã dò biết được người ví câu đối đáp tài tình lần trước là một thư sinh, con một gia đình danh giá bên Ba Xã, nên khi thấy cánh Cu Mơ quen thuộc sang hót phân, đã ví:

*Chưa sáng đã thấy Cu Mơ
Quả gánh lủi khắp bụi bờ ruộng nương.
Người ta thì lo đèn sách văn chương,
Sao anh vất vả trăm đường rửa anh?*

Không như lần trước, câu ví lần này chứa chất sự thương cảm lẫn nỗi băn khoăn, trăn trở của các cô về cảnh ngộ của một người có học mà phải bỏ nghiệp nhà để chạt vật kiếm kế sinh nhai. Cảnh ngộ bản thân, cảnh đời cơ cực của người dân quê; những biến động đầy bất trắc, hung hiểm đang diễn ra..., bao nhiêu nỗi niềm u uẩn được gọi ra từ câu hát đầy thiện cảm đó. Nghe câu ví, chắc là Nguyễn Đồng Chi rất xúc động. Đón nhận tình cảm của người ví nhưng ông không ngậm ngùi, ủy mị mà lại bày tỏ sự khẳng khái chấp nhận cảnh ngộ và lòng tin tưởng ở tương lai bằng câu ví đáp lại rất chân tình:

*Quê nhà anh đất cát bạc màu,
Biết xúc phân là cực, nhưng anh đâu phàn nàn.
Cốt làm sao qua cơn đói khó đơn hàn,
Đạo thánh hiền rộng mở, mai thanh nhàn ta lại hay.*

Có một điều cần phải nói thêm rằng, tuy trong sinh hoạt, Nguyễn Đồng Chi rất hòa nhập với cộng đồng, nhưng việc ông phải đi làm nghề hót phân là “cùng bất đắc dĩ”. Số là, vào quãng thời gian này, tại Hà Tĩnh nói riêng, vùng Khu IV tự do nói chung, đã tiến hành phát động phong trào Giảm tô (1953) và Cải cách ruộng đất đợt 5 (1955). Tuy không có nhiều ruộng đất nhưng do danh vọng, gia thế lớn đã nhiều đời, nên gia đình ông là đối tượng được đưa vào diện đấu tố đầu tiên. Vốn là một cán bộ Việt Minh thời tiền khởi nghĩa, từ 1939, ông đã tham gia phong trào Dân chủ phản đế, tham gia lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cứu quốc Can Lộc, tổ chức Đội vũ trang cướp chính quyền Can Lộc thành công ngày 15/8/1945 sớm nhất trong toàn quốc, nhưng bản thân ông vẫn bị khai trừ Đảng tịch vào năm 1953. Sang các năm tiếp theo, gia đình ông bị bao vây về cả chính trị và kinh tế nên đã lâm vào cảnh khốn đốn.

Trong quá trình tìm hiểu về những năm tháng sinh hoạt của GS Nguyễn Đồng Chi ở quê, chúng tôi còn được nghe kể rất nhiều giai thoại về việc tham gia ứng tác, diễn xướng văn nghệ dân gian của ông. Đó cũng chính là tiền đề, là nền móng vững chắc để tạo nên nhà folklore học Nguyễn Đồng Chi nổi tiếng sau này. Không có tình yêu tha thiết cuộc sống thôn quê, không sống sâu sắc với đời sống văn hóa dân gian thì làm sao có được sự nghiệp trước thuật lớn lao đó? Trong một bài viết ghi lại hồi ức về GS Nguyễn Đồng Chi, PGS Chương Thâu, người cùng quê và là con cháu xa trong họ tộc, đã nhớ lại một câu ví của Nguyễn Đồng Chi trong một dịp phùng vớ Ba Xã đối đáp với phùng vớ Đình Lữ (làng quê PGS Chương Thâu):

*Trên ta ăn nói dễ nghe,
Chớ dưới bày tui (bọn tôi) ăn nói troệt bề loe đĩa đèn.⁽¹⁾*

Không am hiểu đến tận gốc rễ, ngọn nguồn của đời sống văn hóa một vùng quê thì không thể ứng tác được câu ví tài tình này. Tác giả câu ví nói “trên ta” là để đối sánh với “dưới bày tui”, làng Đình Lữ thuộc Phù Lưu Thượng, nằm ở miền trên, dưới chân núi Hồng Lĩnh, còn làng Ba Xã nằm ở miền dưới, gần bờ sông Kênh Cạn; cả hai làng đều thuộc tổng Phù Lưu xưa kia. Tác giả “khen” cách ăn nói của bà con Đình Lữ và tự “chê” cách nói của người dân làng mình. Nghe qua, ta cảm thấy, “khen” người rất chân thành mà tự “chê” mình cũng rất thành thực. Nhưng hình ảnh “troệt bề loe đĩa đèn”, mới nghe, thì tưởng là tự ti, song kỳ thực lại ẩn một niềm tự hào. Hình dung từ “troệt bề loe” vừa miêu tả khẩu hình với độ mở quá rộng của miệng khi nói vừa miêu tả giai điệu đặc thù của giọng nói (giọng nói được dài ra, kéo dài ra quá mức bình thường khiến bị méo tiếng). Hình dung từ này lại được gắn với danh từ “đĩa đèn” (một loại đèn phổ biến mà xưa kia người dân quê xứ này dùng đĩa đựng dầu lạc treo bằng gióng lên xà nhà và thấp bằng bắc cổ lũng) để tạo nên một biểu thức so sánh ngầm thì hình ảnh miêu tả cách nói lại càng rõ nét. Nhưng hình ảnh này còn có một ý nghĩa khác, “nói troệt bề loe (như) đĩa đèn” là nói thẳng, nói “trắng phốt” ra, có gì nói nấy, không giấu giếm. Và với hàm nghĩa này, thì câu ví trên không phải là sự tự “chê” mà lại trỗi lên sự tự hào về tính cách phác thực, chân thành của người dân làng mình; đồng thời, dường như có thấp thoáng cái ý ngầm chê đối phương. Chỉ là một nhận xét về cách nói, lối nói mà câu ví ngắn gọn đó đã thấu tóm được một cách thần diệu về khẩu hình khi nói, giai điệu giọng nói và tính cách con người của một làng quê. Có lẽ vì thế mà đến nay, trong giao tiếp với khách, người dân Ích Hậu (Ba Xã xưa) vẫn hay dùng câu ví cũ của Nguyễn Đồng Chi để tự giới thiệu về con người quê mình một cách hài hước nhưng không kém phần tự hào.

Không chỉ khi đã là một nhà nghiên cứu có tên tuổi với sự từng trải sâu rộng cuộc sống mà ngay từ những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường rồi ra đời làm một nhà báo điều tra xã hội, Nguyễn Đồng Chi đã rất gắn bó với thơ ca dân gian xứ Nghệ. Theo hồi ký của phu nhân ông, bà Đoàn Thị Tịnh, về những năm tháng thanh xuân của hai người, thì trước khi trở thành vợ chồng, cuộc tình của họ gặp khá nhiều trắc trở. Ấy là vào quãng từ năm 1931 đến năm 1936, giai đoạn Nguyễn Đồng Chi học trung học ở Vinh và sau đó làm phóng viên cho tờ

Thanh Nghệ Tĩnh tuần báo, ông ở trọ tại nhà cụ Đoàn Danh Trì, thân phụ bà Tịnh và là bạn thân của cụ Nguyễn Hiệt Chi. Trong thời gian này, hai người đã bén duyên nhau nhưng khổ nổi, lúc trước, cụ thân sinh bà Tịnh đã hứa gả bà cho con trai cụ Phạm Khắc Khoan. Hai người đã vượt qua nhiều trở ngại để đến với nhau. Trong quá trình đó, những bức thư nồng nàn tình yêu của cậu Ấm Gióng (tên Nôm của Nguyễn Đồng Chi) được viết bằng lục bát thấm đẫm chất ca dao đã động viên nàng khuê nữ nặng tình nhà họ Đoàn tìm cách giải thoát được sức nặng ngàn cân của việc hứa hôn đã ràng buộc bà từ thuở thiếu thời. Một trong những bức thư tình bằng thơ đó là lời tạm biệt người yêu của chàng trai Ích Hậu, lúc nàng trở về quê tìm cách từ hôn để đến với chàng:

*Còn đêm nay nữa mai về,
Sầu tình một độ tái tê cõi lòng.
Thà rằng chẳng biết cho xong,
Biết nhau rồi lại như đóng vào người.
Ngày mai kẻ ngược người xuôi,
Con đò sao chẳng cho tôi cùng về?*

*Còn đêm nay nữa mai về,
Xa em chẳng khác đao kề bên tim.
Ước gì hóa được làm chim,
Khi bay bay vút, khi tìm tìm mau.
Trời xanh dù bắt xa nhau,
Lòng anh xin nguyện dài lâu chẳng nề.*

*Còn đêm nay nữa mai về,
Lòng tôi thổn thức, tê mề bồi hồi.
Trời làm chi cực rửa trời?
Chưa cùng nhau hợp đã rời nhau ra.
Tơ tình buộc chặt đôi ta,
Lấy nhau chẳng được, buông tha nào nề.*

*Còn đêm nay nữa mai về,
Xa em hình dáng em thì gần luôn.
Bể tình lớp lớp sóng tuôn,
Dây tình chẳng chịt hằng muôn vạn lần.
Chia tay tìm nát thịt dân,
Biết bao giờ lại được gần gũi em?⁽²⁾*

Tập hồi ký nói trên, cụ bà Đoàn Thị Tịnh viết xong năm 1994, khi những kỷ niệm về cuộc tình thơ mộng lùi xa đã 60 năm nhưng những câu thơ sâu tình của người bạn trăm năm vẫn còn nguyên vẹn trong tâm trí bà. Có được ký ức bền vững đó, phải chăng, ngoài những kỷ niệm ám áp về một người đàn ông chung tình, đáng yêu, đáng trọng, còn là vì những lời thơ chân thành, xúc động mang giọng điệu dân gian, bình dị nhưng không kém phần sâu sắc, thi vị? Quả đúng như vậy. Những câu thơ mà chúng tôi gạch chân ở trên, thấp thoáng bóng

dáng những câu hát ví huê tình chất phác, tha thiết của người dân xứ Nghệ lẫn những câu Kiều tài hoa của Nguyễn Du. Một chàng trai tân học sống trong thời tình yêu lãng mạn của phong trào Thơ mới và tiểu thuyết Tự lực văn đoàn đang lên ngôi mà viết những câu thơ tình như vậy thì quả là đã xây mộng đẹp cuộc đời từ trong thế giới nghệ thuật của văn học dân gian.

Như trên đã nói, GS Nguyễn Đồng Chi sinh ra và lớn lên trong một vùng quê nghèo khó, nằm ở một vị trí địa lý thuận lợi thì ít mà khó khăn vô vàn, con người nơi đây quanh năm phải chống chọi với gió mưa, bão lụt, và do đó, phải mưu sinh bằng nhiều nghề, kể cả những nghề hạ tiện nhất. Nhưng chính hoàn cảnh sống khắc nghiệt đó đã tạo nên cho người dân nơi đây một ý chí quật cường, quyết khắc phục mọi khó khăn để vươn lên. Quá trình tương tác lâu dài và dữ dội giữa con người và hoàn cảnh sống đó, đã tạo nên ở vùng quê nghèo khó về kinh tế này một truyền thống lịch sử độc đáo, một gia tài văn hóa phong phú, đặc sắc. Trong thời gian sinh sống và hoạt động học thuật ở quê, khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn, lúc nào Nguyễn Đồng Chi cũng dành nhiều nhất thời gian và công sức cho việc sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa dân gian. Không chỉ mình ông say mê với công việc này mà ông còn hướng dẫn và huy động cả thân nhân nhập cuộc. Phu nhân ông, bà Đoàn Thị Tịnh, là người đã đóng góp rất nhiều cho kho tàng tư liệu văn học dân gian đồ sộ của ông. Hiện nay, ngoài hàng trăm truyện cổ dân gian và hàng vạn câu ví, lời giặm mà ông sưu tầm và đã được xuất bản, tái bản nhiều lần; ông còn 4 tập bản thảo đồ sộ mang tên *Văn học dân gian sưu tầm ở Ích Hậu* chưa được xuất bản.

Từ tình yêu, hạnh phúc riêng tư đến lý tưởng xã hội, sự nghiệp sưu tầm, khảo cứu, trước thuật về văn hóa dân tộc của Nguyễn Đồng Chi, tất cả đều được gắn liền với môi trường văn hóa làng quê xứ Nghệ, thấm nhuần đạo lý dân gian nơi quê cha đất tổ. Trong nhà thờ Nguyễn Đức lục chi, còn những bức hoành phi chữ Nôm ghi lại lời cỤ Nguyễn Đức Dững (Can Dững), tăng tổ của Nguyễn Đồng Chi: “Ô hô! *Thiên địa trường tồn / Bạc vàng dễ kiếm, người khôn khó tìm*” hoặc lời cỤ Nguyễn Hiệt Chi, thân phụ ông: “*Học tập, làm lưng ta ngó lên / Ăn mặc ta nhìn xuống*”. Đó là những lời dạy chí tình, chí nghĩa được đúc kết từ đạo lý trong sách vở thánh hiền kết hợp với đạo lý dân gian và sự nghiệm sinh của các bậc tiền bối. Chính sự thấm thía lời dạy của tiền nhân và sự gắn bó, tương tác với đời sống văn hóa dân gian lâu dài đã tạo nên ở ông **những tư tưởng, quan điểm học thuật độc lập, sáng tạo và cách mạng** từ rất sớm, làm kim chỉ nam cho sự nghiệp khoa học về vang sau này của ông. Và xét ở phương diện trách nhiệm của một người con của quê hương, chính những trải nghiệm và tích lũy lâu dài vốn văn hóa làng quê xứ sở đã tạo tiền đề thuận lợi để ông hoàn thành xuất sắc công trình *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*, một công trình có giá trị mở đường cho một thể tài trước thuật vô cùng quan trọng đối với lịch sử văn hóa dân tộc; đồng thời, cuốn sách là một món quà quý giá mà ông đã dâng tặng quê hương xứ Nghệ vào những năm tháng cuối đời, khi đã ở cái tuổi “thất thập cổ lai hy”.

Có thể nói, GS Nguyễn Đồng Chi hơn người trong sự nghiệp sưu tầm, khảo cứu văn hóa dân gian nói riêng, các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

nói chung, không chỉ do công sức và trí tuệ mà còn do sự hòa nhập, gắn bó máu thịt của ông đối với cộng đồng làng quê; với cái nôi, cái nguồn sản sinh ra nền văn hóa, các di sản văn hóa quý báu của dân tộc. Ông hơn người, vì ông không chỉ hiểu sâu sắc các di sản đó bằng tài năng, trí tuệ và tri thức sách vở mà còn bởi ông đã có một kinh lịch dày dặn trong quá trình nhập thân trọn vẹn vào đối tượng nghiên cứu bằng một tình cảm lớn lao, nồng hậu như một nghệ sĩ dân gian đích thực.

*Viết xong tháng 8 năm 2014
Sửa chữa bổ sung tháng 01 năm 2015*

P Q A

CHÚ THÍCH

- (1) Chương Thâu, “Vài ghi nhớ và suy nghĩ về Giáo sư Nguyễn Đồng Chi”. In trong *Nguyễn Đồng Chi-người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia biên soạn, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 337.
- (2) Đoàn Thị Tịnh, “Ký ức thuở thiếu thời”. In trong *Nguyễn Đồng Chi-người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*, Sdd, tr. 274-275.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, *Nguyễn Đồng Chi-người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.
2. Nguyễn Đồng Chi (chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*, Nxb Nghệ An, in lần 2, 2010.
3. Võ Văn Trục, *Những thi sĩ dân gian*, Nxb Hội Nhà văn, 1996.

TÓM TẮT

GS Nguyễn Đồng Chi là một học giả lớn với những thành tựu khoa học sáng giá, những trước tác có tầm vóc kinh điển, mang tính mở đường cho các chuyên ngành khoa học xã hội ở nước ta, được xã hội tôn vinh một cách xứng đáng. Tuy nhiên, không phải ai cũng hiểu thấu đáo sau những thành tựu vẻ vang của ông là cả một quá trình gắn bó máu thịt với đời sống văn hóa dân gian làng quê xứ Nghệ với rất nhiều hạnh phúc tự túc, tự lạc nhưng cũng không ít gian nan, cay đắng trong những năm tháng cay cực nhất của cuộc đời. Nguyễn Đồng Chi đã vượt lên tất cả để mày mò tìm cho mình một con đường cập bến vinh quang. Bài viết này nhằm phác họa lại chân dung một học giả, một danh nhân trong những năm tháng hàn vi nhất để góp phần soi sáng cái “nhất điểm linh đài” của một trong những người con ưu tú của xứ sở Núi Hồng Sông Lam.

ABSTRACT

PROFESSOR NGUYỄN ĐỒNG CHI WITH CULTURAL LIFE IN THE COUNTRYSIDE

As a great scholar, Professor Nguyễn Đồng Chi, with his brilliant scientific achievements and classic writings paying the way for social sciences in our country, deserves to be honored. However, not everybody knows that behind his glorious achievements was the process of intimate attachment to the folk culture of rural life in Nghệ An Province during his years of happy, simple but arduous living. Professor Nguyễn Đồng Chi overcame hardships to find the path to glory. This article outlines the portrait of a scholar during his hard years in order to contribute to illuminating the “sacred heart” of one of the outstanding people of the land of Hồng Lĩnh Mountain and Lam Giang River.